

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2019

Về việc: “*Xin ly hôn và nuôi
con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Sanh Hiền.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông: Phan Thành Văn.
2. Ông: Đặng Tùng Long.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Viết Hạnh - Thư ký Tòa án.

Hôm nay, ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 24/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: : Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1975. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp An Phú, xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

Bị đơn: Anh Giang Minh G, sinh năm 1981. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp An Phú, xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ng được Tòa án thụ lý vụ án có nội dung như sau:

* Trước đây vào năm 2003, sau khi tìm hiểu nhau, chị Nguyễn Thị Ng kết hôn cùng với anh Giang Minh G, hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau ở ấp An Phú, xã nam Du, huyện Kiên Hải tỉnh Kiên Giang rất hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không phù hợp, thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay.

Nay, xét thấy không thể tiếp tục chung sống nên chị Ng có đơn xin ly hôn với anh Giang Minh G và yêu cầu như sau: Về tài sản chung, chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này; Về con chung: chị Ng xin được nuôi

dưỡng cả 02 người con chung là cháu Giang Thị Trà M, sinh năm 2004 và cháu Giang Du P, sinh năm 2010 và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con; Về nợ chung: chị Ng xác nhận hiện nay không có nợ chung.

* Bị đơn: anh Giang Minh G thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Ng về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn gia đình. Về hôn nhân: anh Giang Minh G đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Ng. Về tài sản chung: anh xác nhận anh và chị Ng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Về con chung: anh G xác nhận trong quá trình chung sống, anh và chị Ng có với nhau 02 người con chung là cháu Giang Thị Trà M, sinh năm 2004 và cháu Giang Du P, sinh năm 2010. Anh G đồng ý giao 02 người con chung cho chị Ng nuôi dưỡng và anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung, anh G xác định hiện tại không có nợ chung.

* Đối với hai cháu Giang Thị Trà M và Giang Du P có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ sau khi anh G và chị Ng ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ng và anh Giang Minh G đồng ý ly hôn với nhau;
- Về tài sản chung: Chị Ng và anh G thống nhất là tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
- Nợ chung: Chị Ng và anh G thống nhất ý kiến là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về con chung: chị Ng và anh G thống nhất giao cháu Giang Thị Trà M, sinh năm 2004 và cháu Giang Du P, sinh năm 2010 cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng và anh G không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Trong vụ án này, nguyên đơn tiến hành khởi kiện được Tòa án thụ lý là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như qua phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải các bên đã khẳng định yêu cầu của mình nên vụ kiện không có yêu cầu phản tố. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*” được quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Đối với anh Giang Minh G là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên sau khi xem xét Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh G

theo qui định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ng và anh Giang Minh G xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống cho đến nay anh, chị cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn lại là đã vi phạm quy định Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, đây là hôn nhân không hợp pháp nên sau khi xem xét Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét giải quyết về quan hệ hôn nhân;

[3] Xét về con chung: qua thẩm vấn cho thấy chị Ng và anh G có với nhau hai người con chung là: cháu Giang Thị Trà M, sinh năm 2004 và cháu Giang Du P sinh năm 2010. Trong quá trình giải quyết vụ án cả chị Ng và anh G đã thỏa thuận thống nhất về việc nuôi con chung và cấp dưỡng. Từ đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử xét thấy nên ghi nhận việc giao cháu Giang Thị Trà M, sinh năm 2004 và cháu Giang Du P, sinh năm 2010 cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng và anh G không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với qui định pháp luật và nguyện vọng của hai cháu.

[4] Tài sản chung: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Nợ chung: Anh chị xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét;

[6] Về án phí: áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc chị Ng phải nộp án phí ly hôn bằng 300.000đ được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004599 ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, chị Ng đã nộp xong và không phải nộp thêm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng vào Điều 9, 14, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ng và anh Giang Minh G là quan hệ vợ chồng;

- Về con chung: Giao hai cháu Giang Thị Trà M, sinh năm 2004 và cháu Giang Du P, sinh năm 2010 cho chị Nguyễn Thị Ng tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ng không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con;

Anh G được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh G thực hiện các quyền trên;

- Về tài sản chung: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Ng và anh G không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004599 ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, chị Ng đã nộp xong và không phải nộp thêm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/11/2019). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ theo qui định pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Các Điều 7a,7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS Kiên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Sanh Hiền

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Tùng Long

Trần Chí Nhỏ

Phạm Sanh Hiền

Kiên Hải, ngày 11 tháng 11 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 11 tháng 11 năm 2019. Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Sanh Hiên.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Trần Chí Nhỏ.
2. Ông: Đặng Tùng Long.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc: "Xin ly hôn và nuôi con chung" giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nguyệt, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Ấp An Phú, xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh Giang Minh Giàu, sinh năm: 1981.

Đại chỉ: Ấp An Phú, xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1/. Về Điều luật áp dụng:

- Áp dụng vào Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng vào Điều 9, 14, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Hội đồng xét xử biểu quyết các vấn đề trên với kết quả: 3/3

2/. Về quan hệ pháp luật: là : "Xin ly hôn và nuôi con chung".

Hội đồng xét xử biểu quyết các vấn đề trên với kết quả: 3/3

3/. Những nội dung chấp nhận và không chấp nhận :

Tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Nguyệt và anh Giang Minh Giàu là quan hệ vợ chồng;

- Về con chung: Giao hai cháu Giang Thị Trà My, sinh năm 2004 và cháu Giang Du Pin, sinh năm 2010 cho chị Nguyễn Thị Nguyệt tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyệt không yêu cầu anh Giàu cấp dưỡng nuôi con;

Anh Giàu được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Giàu thực hiện các quyền trên;

- Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyệt và anh Giàu không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Nguyệt phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004599 ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, chị Nguyệt đã nộp xong và không phải nộp thêm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/11/2019). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ theo qui định pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Các Điều 7a,7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử biểu quyết các vấn đề trên với kết quả: 3/3

Nghị án kết thúc hồi giờ ngày 11 tháng 11 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Đặng Tùng Long

Trần Chí Nhỏ

Phạm Sanh Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

tòa

Trần Thị Đang Đặng Tùng Long

Vũ Thị Phương Thanh

